

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 546/2023/HC-PT

Ngày: 26/7/2023

V/v “*Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hải;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Bà Lê Thị Mai.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 279/2023/TLPT-HC ngày 22 tháng 03 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 254/2022/HC-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7981/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

* **Người khởi kiện:** Ông Lê Văn K, sinh năm 1953; Địa chỉ: Số D X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn K: Chị Nguyễn Thị Á, sinh năm 1998; Địa chỉ: Số F ngõ D L, phường X, quận T, thành phố Hà Nội; Có mặt.

* **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ trụ sở: Số F L, phường X, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Anh T - Chủ tịch UBND quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Tuấn A - Phó Chủ tịch UBND quận T; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1952; Địa chỉ: Số D X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Phương T1, sinh năm 1993; địa chỉ: Số F ngõ D L, phường X, quận T, thành phố Hà Nội; Vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa.

2. Ông Lê Văn N, sinh năm 1977; địa chỉ: Số nhà B ngách C đường N, phường Q, quận T, Hà Nội; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Doãn Thị Thu C, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Phong L1, sinh năm 1978; Vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa.

3. Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh H1; Địa chỉ trụ sở: Số A C, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phương Thành L2 - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đỗ Minh Đ, anh Phạm Đình T2 - Bộ phận xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ - Ngân hàng TMCP V1; Anh T2 có mặt, anh Đ vắng mặt.

4. Văn phòng C1; Địa chỉ: Số D G, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh D - Trưởng Văn phòng; Vắng mặt.

5. Ủy ban nhân dân phường Q, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thế V - Chủ tịch UBND phường; Vắng mặt.

6. Văn phòng Đ1 - chi nhánh quận T. Địa chỉ: Số F đường L, phường X, quận T, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thu H - Giám đốc; Vắng mặt.

7. Bà Cao Thị Thanh L3, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số D X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

Người kháng cáo: Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ và những lời khai tại Tòa án người khởi kiện trình bày:

Ngày 01/02/2008, vợ chồng ông Lê Văn K, bà Trịnh Thị L được UBND quận T cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AI 7120002008 đối với diện tích 108,9m² tại số D đường X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội.

Từ năm 1977 cho đến nay, ông Lê Văn K sinh sống và làm việc tại CHLB Đ, thi thoảng mới về Việt Nam. Năm 2017, ông K về Việt Nam mới biết GCNQSDĐ tại số D đường X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội của vợ chồng ông K đã được sang tên cho anh Lê Văn N (con trai thứ hai của ông K và bà L); cụ thể: Ngày 31/3/2011, ông N được UBND quận T cấp GCNQSDĐ mới số BB 0555150 đối với thửa đất này. Việc cấp GCNQSDĐ cho ông N đã căn cứ vào Hợp đồng tặng cho số 00011.09, quyền số 01/HĐTC lập bởi Văn phòng C2 cho quyền sử dụng đất giữa bà Trịnh Thị L và ông Lê Văn N; Giấy ủy quyền số 00020/2009/GUQ quyền số 01 ngày 01/8/2009 được công chứng tại Văn phòng

C1, thành phố Hà Nội giữa ông K và bà L. Tuy nhiên, quá trình thủ tục UBND quận T cấp đổi GCNQSDĐ của ông N vi phạm thủ tục do:

- Ông Lê Văn K và bà Trịnh Thị L đã được UBND quận T cấp GCNQSDĐ số AI 712000 ngày 01/02/2008 đối với diện tích 108,9m² đất ở tại địa chỉ số D đường X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội. Do đó, cả ông K, bà L là người sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất này, mọi việc chuyển dịch đối với tài sản trên phải được sự đồng ý của cả ông K và bà L.

- Giấy ủy quyền số 00020/2009/GUQ ngày 01/08/2009 với nội dung ông Lê Văn K ủy quyền cho bà Trịnh Thị L không đúng sự thật và vô hiệu. Do thời điểm lập Giấy ủy quyền năm 2009 ông K không có mặt tại Việt Nam để thực hiện việc ủy quyền cho bà L và ký vào Giấy ủy quyền cho bà L, chữ ký trong Giấy ủy quyền không phải của ông K. Do đó, Giấy ủy quyền số 00020/2009/GUQ ngày 01/8/2009 vô hiệu và bà L không có quyền tự định đoạt đối với nhà đất số D X, quận T, thành phố Hà Nội. Vì vậy, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trịnh Thị L và ông Lê Văn N lập tại Văn phòng C1 ngày 03/8/2009 số công chứng 00011.09 quyền 01/HĐTC vô hiệu.

UBND quận T căn cứ vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 03/8/2009 để cấp GCNQSDĐ số 055150 ngày 31/03/2011 đối với diện tích diện tích 108,9m² đất ở tại địa chỉ số D đường X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội cho ông Lê Văn N là không đúng với quy định pháp luật. Ông Lê Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy GCNQSDĐ số 055150 ngày 31/03/2011 do UBND quận T cấp đứng tên ông Lê Văn N.

**** Đại diện theo ủy quyền của UBND quận T, thành phố Hà Nội trình bày:***

Căn cứ vào hồ sơ lưu và các quy định có liên quan thể hiện: Ngày 01/02/2008, UBND quận T ban hành Quyết định số 426/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSDĐ đất ở cho 11 hộ gia đình, cá nhân tại phường Q, quận T, trong đó có hộ gia đình bà Trịnh Thị L, ông Lê Văn K, địa chỉ số D đường X, phường Q, diện tích cấp 108,9m². Năm 2009, bà Trịnh Thị L và ông Lê Văn K đăng ký tặng cho nhà, đất nêu trên cho ông Lê Văn N tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận T và đã được xác nhận nội dung đăng ký tặng cho chủ sử dụng đất cho ông Lê Văn N tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trịnh Thị L và ông Lê Văn K theo quy định. Năm 2011, ông Lê Văn N làm thủ tục xin cấp đổi lại GCNQSDĐ nên ngày 31/3/2011 ông N được UBND quận T cấp GCNQSDĐ mới số BB 0555150 đối với thửa đất này.

UBND quận T khẳng định trình tự cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Văn N đã được thực hiện đúng thẩm quyền, quy trình, quy định của pháp luật. Vì vậy, UBND quận T đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn N cùng người đại diện theo ủy quyền của ông N thống nhất trình bày:***

Ông Lê Văn N đã được bà Trịnh Thị L (mẹ ông N) tặng cho quyền sử dụng đất tại địa chỉ số D đường X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 00011.09, quyền số 01/HĐTC lập tại Văn phòng C1, thành phố Hà Nội ngày 03/08/2009. Trước khi

tặng cho ông N, quyền sử dụng đất tại địa chỉ số D đường X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội, đứng tên ông Lê Văn K và bà Trịnh Thị L. Sau đó, ông K đã ủy quyền cho bà L định đoạt toàn bộ quyền sử dụng đất tại địa chỉ trên theo “Giấy ủy quyền” được công chứng tại Văn phòng chứng V - thành phố Hà Nội. Ông N chỉ biết việc được bố mẹ tặng cho quyền sử dụng đất chứ hoàn toàn không nắm được việc ông K ủy quyền định đoạt tài sản cho bà L cụ thể ra sao. Hiện tại, quyền sử dụng đất tại số D đường X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh H1 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 7144/2011/HĐTC, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD của Phòng công chứng số 6 ngày 23/11/2011 giữa Ngân hàng TMCP V1 và ông Lê Văn N. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn K, ông N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị L trình bày:**

Diện tích nhà đất tại địa chỉ số D đường X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội là tài sản chung của bà và ông Lê Văn K. Do tuổi cao sức yếu, vụ việc xảy ra quá lâu nên hiện tại bà không còn nhớ rõ sự việc liên quan đến ký, lập các giấy tờ quyền sử dụng đất của căn nhà.

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cao Thị Thanh L3 trình bày:**

Diện tích nhà đất tại địa chỉ số D đường X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội là tài sản riêng của chồng bà là ông Lê Văn N, bà không có đóng góp cũng như không có ý kiến gì về tài sản này. Bà chỉ tham gia ký vào hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các phụ lục kèm theo cùng với chồng theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh H1. Những nội dung còn lại bà đều không nắm được.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng V1 trình bày:**

Ngày 18/11/2011, Ngân hàng TMCP V1 với ông Lê Văn N và vợ là Cao Thị Thanh L3 ký kết Hợp đồng tín dụng số 144/11/VAB-HN/HĐNH.

Ngày 23/11/2011, bà Cao Thị Thanh L3 và ông Lê Văn N dùng tài sản là quyền sử dụng đất 108,9m² đất ở thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại địa chỉ số D đường X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 055150, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H1088/QĐ-UB 2011 do UBND quận T, thành phố Hà Nội cấp ngày 31/3/2011 cho ông Lê Văn N thế chấp tại Ngân hàng TMCP V1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 7144/2011/HĐTC quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23 tháng 11 năm 2011 do Phòng C3, thành phố Hà Nội chứng nhận; vợ chồng ông Lê Văn N và bà Cao Thị Thanh L3 cùng tự nguyện thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25 tháng 11 năm 2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận T, thành phố Hà Nội theo đúng quy định pháp luật.

Việc Ngân hàng V1 nhận thế chấp tài sản nêu trên được thực hiện đúng trình tự, thủ tục luật định. Do đó việc ông Lê Văn K khởi kiện UBND quận T về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BB 055150, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H1088/QĐ-UB 2011 UBND quận T, thành phố Hà Nội cấp ngày 31/03/2011 cho ông Lê Văn N là hoàn toàn không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, Ngân hàng V1 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn K.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng C1 trình bày:***

Ngày 01/8/2009, Văn phòng C1 đã thực hiện công chứng Giấy ủy quyền số công chứng 00020/2009/GUQ; quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD.

Ngày 03/8/2009, Văn phòng C1 đã thực hiện công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 00011.09; quyền số 01/HĐTC.

Toàn bộ quá trình giải quyết việc công chứng hợp đồng, văn bản nêu trên của Văn phòng C1 đều được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Hiện nay Văn phòng C1 chưa tìm được hồ sơ lưu trữ để cung cấp cho Tòa án.

Đối với yêu cầu của người khởi kiện, Văn phòng có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND phường Q trình bày:***

Ông Lê Văn K và bà Trịnh Thị L đã được UBND quận T cấp GCNQSDĐ số AI 712000 ngày 01/02/2008 đối với diện tích 108,9m² đất ở tại địa chỉ số D đường X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội. Việc cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Văn N thuộc thẩm quyền của UBND quận T, không thuộc thẩm quyền của UBND phường Q. Việc đăng ký tặng cho từ ông Lê Văn K và vợ là bà Trịnh Thị L cho chủ sử dụng là ông Lê Văn N không thuộc thẩm quyền của UBND phường Q.

Do đó, UBND phường Q không liên quan đến vụ án mà Tòa án yêu cầu.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T trình bày:***

Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 27, diện tích 108,9m² tại địa chỉ số D đường X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội được UBND quận T cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 055150 ngày 31/3/2011 đứng tên chủ sở hữu là ông Lê Văn N (Tại mục 6. Ghi chú: cấp đổi theo GCN số 10103114131 do UBND quận T cấp tại Quyết định số 426/QĐ-UB ngày 01/02/2008). Về nội dung giao dịch bảo đảm thời điểm gần nhất là ngày 25/11/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận T xác nhận đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất với Chi nhánh H1 Ngân hàng TMCP V1, Hợp đồng số 7144/2011/HĐTC do Phòng C3 lập ngày 23/11/2011, diện tích thế chấp 108,9m² đất ở. Hiện chưa được thực hiện đăng ký xóa thế chấp.

Đối với hồ sơ đăng ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ chủ sử dụng đất là ông Lê Văn K và bà Trịnh Thị L sang anh Lê Văn N hiện không lưu giữ tại Chi nhánh. Vì vậy, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T không có hồ sơ để cung cấp cho Tòa án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn K về việc đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ số BB 055150, sổ vào sổ cấp GCN H1088/QĐ-UB-2011 do UBND quận T cấp ngày 31/3/2011 đứng tên ông Lê Văn N, Chi nhánh Văn phòng đăng

ký đất đai quận T, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 254/2022/HC-ST ngày 30/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 98 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Văn N của ông Lê Văn K đối với UBND quận T, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 10 năm 2022, chị Nguyễn Thị Á là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn K có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm số 254/2022/HC-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bị kiện là UBND quận T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Phương T1 (đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị L), bà Doãn Thị Thu C, Nguyễn Thị Phong L1 (đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn N) vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng C1, UBND phường Q, Văn phòng Đ1 - Chi nhánh quận T vắng mặt không có lý do.

- Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng Giấy ủy quyền số 00020/2009/GUQ ngày 01/8/2009 của ông Lê Văn K ủy quyền cho bà Trịnh Thị L không đúng sự thật và vô hiệu với lý do thời điểm lập Giấy ủy quyền ông K không có mặt tại Việt Nam để thực hiện việc ủy quyền và ký vào Giấy ủy quyền cho bà L, chữ ký trong Giấy ủy quyền không phải là của ông K. Vì vậy, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trịnh Thị L và anh Lê Văn N là vô hiệu. UBND quận T căn cứ vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 03/8/2009 để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 055150 ngày 31/3/2011 đối với diện tích 108,9m² đất tại địa chỉ số D đường X, phường Q, quận T cho ông Lê Văn N là không đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn K, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND quận T đã cấp cho ông Lê Văn N.

- Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V1 đề nghị giải quyết dứt điểm vụ án và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đề Ngân hàng có căn cứ khởi kiện vụ án về Hợp đồng tín dụng đối với ông Lê Văn N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện đảm bảo đúng với

quy định tại các Điều 204, 205 và 206 Luật Tổ tụng hành chính do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn K là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, người bị kiện là UBND quận T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Phương T1 (đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị L), bà Doãn Thị Thu C, Nguyễn Thị Phong L1 (đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn N) vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do công tác và lý do sức khỏe nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng C1, UBND phường Q, Văn phòng Đ1 - Chi nhánh quận T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

- Về đối tượng khởi kiện:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 055150 ngày 31/3/2011 do UBND quận T, thành phố Hà Nội cấp cho anh Lê Văn N là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là đúng theo quy định tại Điều 3; Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính.

- Về thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn K cho rằng năm 2017 ông về Việt Nam mới biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ số D đường X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội của vợ chồng ông đã được UBND quận T cấp cho anh Lê Văn N. Ngày 04/12/2017, ông Lê Văn K nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu hủy GCNQSDĐ số 055150 ngày 31/3/2011 cấp cho anh Lê Văn N là trong thời hiệu khởi kiện; Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

- Đơn kháng cáo của đương sự: Ngày 06/10/2022, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn kháng cáo hợp lệ, được gửi trong thời hạn và nộp tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 204, 205, 206, 209 Luật Tổ tụng hành chính nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Nguồn gốc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 27, diện tích 108,9m²; địa chỉ tại số D X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội là của vợ chồng ông Lê Văn K và bà Trịnh Thị L được UBND quận T cấp đổi GCNQSDĐ số AI 712000 ngày 01/2/2008. Ngày 31/3/2011, UBND quận T căn cứ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trịnh Thị L và anh Lê Văn N cấp đổi GCNQSDĐ cho anh Lê Văn N số BB 055150, số vào sổ cấp GCN H1088/QĐ-UB-2011 tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: số D đường X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội.

[2.2] Về nội dung kháng cáo đề nghị hủy GCNQSDĐ số BB 055150 ngày 31/3/2011 đứng tên ông Lê Văn N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Giấy ủy quyền số 00020/2009/GUQ quyền số 01 ngày 01/8/2009 được công chứng tại Văn phòng C1, thành phố Hà Nội giữa ông Lê Văn K và bà Trịnh Thị L có nội dung thể hiện: Ông K ủy quyền cho bà L thực hiện việc “Liên hệ, nộp hồ sơ và thực hiện các công việc cần thiết khác với các cá nhân, cơ quan có thẩm quyền để làm rõ và/hoặc xác nhận mọi vấn đề liên quan tới việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà số D X và định đoạt nhà đất nêu trên”. Ngày 03/8/2009, bà Trịnh Thị L đã lập Hợp đồng tặng cho ông Lê Văn N là con đẻ của ông K và bà L toàn bộ quyền sử dụng đất tại số D X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội và được công chứng tại Văn phòng C1 theo quy định. Ngày 07/9/2009, ông Lê Văn N nộp hồ sơ xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận T; Ngày 31/03/2011, UBND quận T cấp đổi GCNQSDĐ mang tên ông Lê Văn N. Quá trình cấp đổi GCNQSDĐ không thể hiện có việc khiếu nại, tranh chấp đối với thửa đất ông N xin cấp đổi. Trên cơ sở đó, ngày 19/4/2011 ông N thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng P- Chi nhánh H1 - Phòng G, ngày 05/5/2011 được xóa thế chấp. Ngày 09/5/2011, ông N lại thế chấp bằng quyền sử dụng đất với Ngân hàng thương mại cổ phần V1 chi nhánh H1, ngày 18/11/2011 được xóa thế chấp. Ngày 25/11/2011, ông N thế chấp bằng quyền sử dụng đất với Ngân hàng thương mại Cổ phần V1 chi nhánh H1. Như vậy, cả thời gian dài ông N đã sử dụng tài sản mình được tặng cho để thực hiện việc thế chấp ngân hàng theo quy định.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ căn cứ để xác định: UBND quận T cấp đổi GCNQSDĐ số BB 055150 ngày 31/3/2011 cho ông Lê Văn N là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Do đó, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị hủy GCNQSDĐ số BB 055150 ngày 31/3/2011 cấp cho ông Lê Văn N là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với nội dung kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị giám định chữ ký của ông Lê Văn K trong Giấy ủy quyền số 00020/2009/GUQ ngày 01/08/2009, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, phía người khởi kiện yêu cầu giám định chữ ký trong Giấy ủy quyền số 00020/2009/GUQ ngày 01/08/2009; Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có Quyết định yêu cầu cung

cấp tài liệu, chứng cứ cho các đương sự trong vụ án về việc yêu cầu đương sự cung cấp Bản chính Giấy ủy quyền của ông K cho bà L để làm mẫu vật giám định. Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bị kiện, Văn phòng C1, Văn phòng Đ1 chi nhánh quận T đều không cung cấp được bản chính Giấy ủy quyền số 00020/2009/GUQ quyền số 01 ngày 01/8/2009. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không có đủ cơ sở để ban hành Quyết định trưng cầu giám định vì không có mẫu giám định theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Luật Giám định tư pháp năm 2020. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện tiếp tục đề nghị giám định chữ ký của ông Lê Văn K trong Giấy ủy quyền ngày 01/8/2009 nhưng cũng không cung cấp được mẫu chữ ký để giám định; do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện.

[2.4] Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện còn cho rằng năm 2009 ông Lê Văn K không về Việt Nam nên không thể ký Giấy ủy quyền ngày 01/8/2009 cho bà Trịnh Thị L được. Đối với nội dung này, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Ngày 03/7/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có văn bản gửi Cục X Bộ C4 đề nghị cung cấp thông tin cụ thể về việc xuất nhập cảnh của ông Lê Văn K thời gian từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009. Ngày 11/7/2023, Cục X Bộ C4 đã có văn bản phúc đáp và cung cấp thông tin thời gian xuất nhập cảnh của ông Lê Văn K, cụ thể như sau: Nhập cảnh ngày 20/7/2009 qua cửa khẩu T3; Xuất cảnh ngày 02/8/2009 qua cửa khẩu N1.

Từ các phân tích tại mục [2.2], [2.3], [2.4] nêu trên, có đủ căn cứ xác định: Ngày 01/8/2009 ông Lê Văn K có lập Giấy ủy quyền cho bà Trịnh Thị L được quyền định đoạt đối với nhà đất tại số D X, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội. Trên cơ sở Giấy ủy quyền nêu trên, ngày 03/8/2009 bà Trịnh Thị L đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai là anh Lê Văn N. Ngày 07/9/2009, ông Lê Văn N nộp hồ sơ xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận T; Ngày 31/03/2011, UBND quận T cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Văn N là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá, xem xét và quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn K là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không xuất trình được tài liệu gì mới để bảo vệ cho nội dung kháng cáo, do đó không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Văn K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, xét thấy ông K là người cao tuổi và thuộc trường hợp được miễn án phí nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Lê Văn K; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 254/2022/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Lê Văn K.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Hải